TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **60**/2018/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên Phủ, ngày 15 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 89/2018/TLST/HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018, giữa:

- Bà **Hoàng Thị Q A, sinh năm 1982. Địa chỉ: Đội 2b, xã Th L, huyện Đ B, tỉnh Đ;**

- Ông **Bùi Văn H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường T Th, thành phố Đ B Ph, tỉnh Đ;**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hoàng Thị Q A và ông Bùi Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Hoàng H A, sinh ngày 02/8/2005 cho bà Q A nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi Hoàng Th Nh, sinh ngày 20/02/2012 cho ông H nuôi dưỡng. Ông H có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu H A 1.000.000 đồng/1 tháng đến khi cháu H A đủ 18 tuổi. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 7/2018. Bà Q A không yêu cầu ông H trả lãi nếu chậm thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con.

Bà Hoàng Thị Q A, ông Bùi Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà bà Q A, ông H không được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Hoàng Thị Q A tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001727 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Chị Q A đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Điện Biên;
- VKS ND TP ĐBP;
- Chi cục THADSTP;
- UBND xã M M;
- Lưu Kế toán;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thương Huyền

TOÀ ÁN NHÂN DÂN……[1]	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:……/……/QĐST-HNGĐ	

…., ngày…… tháng …… năm ……

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số...../...../TLST/HNGĐ ngày.....tháng....năm....., giữa[2]:

.....
.....
.....

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55,..... của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày…..tháng……năm …..

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày…. tháng..... năm ..... là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:[4] .....
.....
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:	**THẨM PHÁN**
- Đương sự;	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;	
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;	

- Lưu hồ sơ vụ án.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề pH giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).